

**TÒA ÁN NHÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2018/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 12 - 2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 660/2018/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXXST – DS ngày 16 tháng 11 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 123/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Phú Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 12, ấp H, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà T và ông Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 20/8/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Phú Q tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2012 và đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật tại UBND xã M, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 08/02/2013. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống tại tỉnh D (tôi làm công nhân, ông Q làm thợ phụ trang trí nội thất tại tỉnh D). Vợ chồng chung sống đến tháng 8/2018 thì ly thân đến nay. Nguyên nhân do ông Q ham mê cá độ đá banh, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, không đưa tiền phụ giúp vợ nuôi con, nhiều lần lấy tài sản của gia đình đem cầm bán, vợ chồng thường xuyên gây cãi, bất đồng quan điểm sống. Do hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 (Một) con chung tên Trần Phước N, sinh ngày 13/7/2013. Hiện nay tôi đang trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại tờ tự khai ngày 03/12/2018 bị đơn ông Trần Phú Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thông nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian ly thân. Ông Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thời gian dài không hàn gắn được nên ông và bà T đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Ông Q cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi và bà T có 01 (Một) con chung tên Trần Phước N, sinh ngày 13/7/2013. Hiện nay con chung do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi con, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Nguyên đơn bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 04/12/2018 lý do bận đi làm ở xa.

Bị đơn ông Q trình bày tại tờ tự khai ngày 03/12/2018 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do bận đi làm ở xa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà T có đơn đề ngày 04/2018 nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi làm ăn ở xa; ông Q trình bày tại tờ tự khai ngày 03/12/2018 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do bận đi làm ở xa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Q là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Trần Phú Q do mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu Trần Phước N.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Do bà T và ông Q không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Phú Q là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết, sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà T có đơn đề ngày 04/12/2018 đề nghị xét xử vắng mặt do bà phải đi làm ăn ở xa.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Trần Phú Q và được Công an xã H cung cấp thông tin: “Ông Trần Phú Q, sinh năm 1990, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 12, ấp H, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang”.

Ông Q trình bày tại tờ tự khai ngày 03/12/2018 nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt do ông phải đi làm ăn ở xa.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông Q dựa trên cơ sở tự nguyện của đôi bên, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2013 ngày 08/02/2013 phù hợp với Điều 39 Bộ luật sự năm 2005; Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân từ sự bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng. Bà T cho rằng, do ông Q ham mê cá độ đá banh, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, không đưa tiền phụ giúp vợ nuôi con, nhiều lần lấy tài sản của gia đình đem cầm bán, vợ chồng thường xuyên gây cãi, bất đồng quan điểm

sống. Do hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Ông Q trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống thời gian dài nên ông Q cũng thống nhất ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Q đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà T và ông Q có 01 (một) con chung tên Trần Phước N, sinh ngày 13/7/2013. Do thời gian qua bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông Q cũng đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi con. Để xem xét về quyền lợi mọi mặt của cháu N; để ổn định về sinh hoạt và tâm lý cho cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, bà T cũng không có yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T và bị đơn ông Trần Phú Q.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trần Phú Q.

2. Về con chung: Bà T và ông Q có 01 (một) con chung tên Trần Phước N, sinh ngày 13/7/2013. Bà T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Q thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định. Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét đến.

4. Về quan hệ án phí: Bà T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008867 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà T đã nộp đủ án phí.

Bà T và ông Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TP LX;
- THADS TP LX;
- UBND xã M, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang